



太田警察署からのお知らせ「落とし物をしたとき、落とし物を拾ったとき」・ベトナム語版

Cảnh sát Ota ☎0276-33-0110 (Hỗ trợ bằng tiếng Nhật)

THÔNG BÁO TỪ SỞ CẢNH SÁT OTA

Khi bạn đánh mất hoặc nhặt được món đồ bị mất

Khi bạn ĐÁNH MẤT món đồ

Hãy đến sở cảnh sát *Keisatsusho*, đồn cảnh sát *Kouban* hoặc *Chuuzaisho* gần nhất và trình báo. Có thể trình báo qua điện thoại (bằng tiếng Nhật).

- ➡ Khi bạn làm mất đồ trên tàu/xe buýt, trong cửa hàng, hãy xác nhận với nhân viên nhà ga, công ty xe buýt, cửa hàng trước khi trình báo cảnh sát.
- ➡ Khi bạn bị mất thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng hoặc điện thoại di động, hãy liên hệ báo mất với công ty thẻ tín dụng, tổ chức tài chính hoặc công ty điện thoại để ngăn chặn việc sử dụng bất hợp pháp.



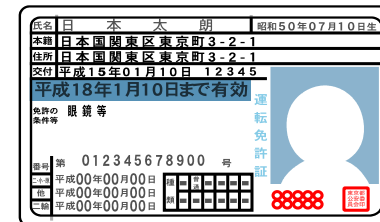
Khi chó/mèo của bạn bị mất tích

Hãy thông báo sự việc với trung tâm y tế *Hokenzo* và sau đó là cảnh sát.

(Chủ sở hữu phải đăng ký của họ tại Tòa thị chính và tiêm vắc-xin phòng bệnh dại cho chúng.)

Khi bạn bị mất giấy phép lái xe

Hãy thông báo về đồ bị mất cho cảnh sát, và thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép lái xe của bạn tại Hiệp hội an toàn giao thông *Ota Koutsuu Anzen Kyoukai* hoặc Trung tâm giao thông tổng hợp tỉnh *Gunma Sougou Koutsuu* (chỉ mở cửa vào các ngày thường).



Khi bạn NHẶT ĐƯỢC món đồ bị mất

Hãy thực hiện các cách thức thông báo tùy thuộc vào địa điểm thấy đồ bị mất.

1. Khi bạn nhặt được món đồ bị mất trên đường phố, hãy trả lại cho chủ sở hữu hoặc gửi đến cảnh sát *Keisatsusho/Kouban/Chuuzaisho* gần nhất.

- ➡ Người nhặt được đồ bị mất và thông báo chúng trong vòng 7 ngày từ ngày nhặt được có quyền nhận được phần thưởng nếu chủ sở hữu được tìm thấy. Ngoài ra, nếu không xác định được chủ sở hữu, người thông báo sẽ trở thành chủ sở hữu mới.

2. Khi bạn nhặt được món đồ bị mất trên tàu, nhà ga, trong cửa hàng, hãy thông báo tới nhân viên nhà ga, cửa hàng trong vòng 24 giờ.

- ➡ Trong những trường hợp này, người thông báo có quyền nhận được phần thưởng nếu chủ sở hữu được tìm thấy. Ngoài ra, nếu không xác định được chủ sở hữu, người thông báo sẽ trở thành chủ sở hữu mới.

Việc thông báo có thể thực hiện 24 giờ/ngày (ngoại trừ đồn cảnh sát *Chuuzaisho*)

Giữ lại đồ nhặt được mà không giao cho cảnh sát là phạm tội!

Để thông báo hoặc hỏi thăm về đồ vật bị mất hoặc nhặt được, vui lòng liên hệ với đồn cảnh sát Ota

Các đồn cảnh sát được chỉ định *Kouban / Chuzaisho* và Tai nạn giao thông/vụ án được ghi nhận vào tháng 1 năm 2025
Thông tin được cung cấp bởi sở cảnh sát Ota

Đồn / Bốt cảnh sát ở khu vực sinh sống “Cho”		Vụ án					Tai nạn giao thông			
Tên đồn cảnh sát	Tên khu phố (-Cho) *không bao gồm tên kết thúc -Machi	R	PD	HI	PID	Total	aID	aPD	Total	DT
Ekimae Kouban	Kanayama; Kumano; Subaru; Nishihon; Hachiman; Hama; Higashihon; Hon	13	0	0	0	13	8	32	40	0
Higashi nagaoka-cho K.	Higashinagaoka; Uekino; Kamikobayashi; Shimokobayashi; Dainogo; Niragawa; Higashikanai; *Yabashin-Machi; Yaba; Yasuraoka	23	3	2	0	28	7	55	62	0
Ota Chuou K.	Arai; Asahi; Iida; Iizuka; Uchigashima; Komaigi; Niijima; Nishiyajima; Higashibessho; Higashiyajima	36	3	1	0	40	23	104	127	0
Housen K.	Okino; Kamitajima; Josai; Shindo; *Takara-Machi; Nakane; *Nishishin-Machi; Nishinoya; Fujiagu; Fujikura; Bessho; Yura; Wakiya	20	1	2	1	24	13	64	77	0
Takahayashi Kouban	Iwasegawa; Ushizawa; Shimohamada; Shoya; Suehiro; Takahayashi Higashi; Takahayashi Nishi; Takahayashi Minami; Takahayashi Kita; Takahayashi Kotobuki; Tomizawa; Fukuzawa; Furuto; Hosoya; Minamiyajima; Yonezawa	27	3	0	0	30	11	41	52	1
Ojima Kouban	Akutsu; Anyouji; Izumi; Idezuka; Iwamatsu; Otachi; Oshikiri; Ojima; Kasukawa; Kameoka; Kozumida; Shimotajima; Suzukake; Tokugawa; Bizenjima; Futatsugoya; Horiguchi; Maegoya; Maejima; Minamigaoka; Musashijima; Serada; Taishi	12	1	1	0	14	4	34	38	0
Nitta Kouban	Nitta (Akahori; Ichi; Ichinoi; Ichinokura; O; One; Kane; Kamieda; Kaminaka; Kamidanaka; Kanai; Kizaki; Koganai; Kokin; GonEmon; Shimoeda; Shimodanaka; Sorimachi; Takao; Tamurashinden; Tameike; Tenra; Nakaeda; Hagi; Hanakazuka; Hayakawa; Mizuki; Murata)	17	2	0	0	19	19	64	83	0
Yabuzukahonmachi K.	Obara; Okubo; Yabuzuka; Yamanokami; Yoriai; Rokusengoku	12	1	0	0	13	8	39	47	0
Toriyama S.S.	Oshima; Tsuruuda; Toriyama Kami; Toriyama Naka; Toriyama Shimo; Toriyama; Nagate; Niino	5	1	0	0	6	6	22	28	0
Ryumai S.S.	Okinogo; Motegi; Yaegasa; Ryumai	11	0	1	0	12	4	20	24	0
Godo S.S.	Ishibashi; Owashi; Kamigodo; Kitakanai; Godo; Sugashio; Terai; Tenra; Narizuka; Nishinagaoka	10	0	1	0	11	1	9	10	0
Tadakari S.S.	Ichiba; Takaze; Tadakari; Tomiwaka; *Higashishin-Machi	1	0	0	0	1	3	21	24	0
Maruyama S.S.	Kiyohara; Harajuku; Higashiimaizumi; Maruyama; Midori; Yatabori; Yoshizawa	8	0	2	0	10	7	18	25	0
Total		195	15	10	1	221	114	523	637	1

R- trộm cướp / **PD-** thiệt hại tài sản / **HI-** đột nhập vào nhà (xâm phạm) / **PID-** gây rối trật tự công cộng / **aID-** tai nạn dẫn đến thương tích / **aDP-** tai nạn dẫn đến thiệt hại tài sản / **DT-** số người chết / **K.** – đồn cảnh sát / **S.S.** – bốt cảnh sát

「あなたのまちの交番&駐在所・令和7年1月中太田警察署交番&駐在所別主要事件と交通事故発生状況」・ベトナム語版